

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 26 tháng 5 năm 2021  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Huyền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Tổ 41, khu 4, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Nhật Bản.

*Người được nguyên đơn ủy quyền:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1974; ĐKKHKT: Khu 15, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Bị đơn:* Anh Bùi Quang H, sinh năm 1979; ĐKKHKT: Tổ 41, khu 4, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1937 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1948; ĐKKHKT: Thôn Cẩm Viên, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Bùi Quang H đăng ký kết hôn ngày 12/4/2005 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt dần. Hiện nay chị đang lao động tại Nhật Bản và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quang H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, cháu Y và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị . Trong thời gian chị T ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Hữu M và bà Hoàng Thị K sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, cháu Y cho đến khi chị T về Việt Nam đón hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Chị T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn anh Bùi Quang H trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 12/4/2005 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện , không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống , vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không còn tình cảm. Hiện nay chị T đang lao động tại Nhật Bản và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Bùi Quang H xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và cháu Y. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người được nguyên đơn ủy quyền anh Nguyễn Mạnh T trình bày:* Anh là anh trai ruột của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Tổ 41, khu 4, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Hiện chị T đang lao động tại Nhật Bản. Chị T có ủy quyền cho anh nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, các chi phí tố tụng và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Quan điểm của anh là anh đồng ý nhận tất cả nội dung ủy quyền trên của chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu M và bà Hoàng Thị K trình bày:* Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T. Do chị T và anh H có mâu thuẫn về quan điểm sống nên cả hai đều đồng ý ly hôn nên ông bà đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T, anh H để anh chị ổn định cuộc sống riêng. Quá trình chung sống chị T và anh H có 02 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn chị T và anh H thỏa thuận chị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, cháu Y đến khi con chung thành niên. Tuy nhiên chị T hiện nay đang làm việc ở Nhật Bản nên chị T có nhờ ông bà thay chị T nuôi dưỡng cháu H, cháu Y cho đến khi chị

T về Việt Nam đón hai cháu. Quan điểm của ông bà là nhất trí với đề nghị của chị T và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H. Về con chung: Giao cháu Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Trong thời gian chị T ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Hữu M và bà Hoàng Thị K sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, cháu Y cho đến khi chị T về Việt Nam đón hai cháu. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật của chị Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Quang H là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị T trình bày hiện chị đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số 1380/QLXNC-P5 ngày 14/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 28) xác nhận: “Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/9/1984, CMND số 132369504 đã xuất nhập cảnh 3 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 01/12/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 13/12/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm không còn, hai bên không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H.

Hiện nay chị Nguyễn Thị T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, đơn khởi kiện, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bản tự khai của chị T không được hợp

pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định dấu vân tay trong đơn khởi kiện, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bản tự khai mà chị T gửi về từ Nhật Bản. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 56) đã kết luận: “Dấu vân tay in dưới chữ “ Ngón trỏ trái” và “Ngón trỏ phải” trong “Đơn khởi kiện” và “Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt” đều đề ngày 01/12/2020 và trong “Bản tự khai” đề ngày 12/4/2021 (Mẫu cần giám định) so với các dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải, ngón trỏ trái trên Giấy chứng minh nhân dân số 132369504 họ tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/9/1984, nơi ĐKKHKT: Phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Mẫu so sánh) là của cùng một người in ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H xác định chồng có 02 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn chị T và anh H thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, cháu Y đến khi con chung thành niên và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong thời gian chị T ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Hữu M và bà Hoàng Thị K sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, cháu Y cho đến khi chị T về Việt Nam đón hai cháu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228; khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H: Giao cháu Bùi Trung H, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Minh Y, sinh ngày 17/12/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Trong thời gian chị T ở nước ngoài bố mẹ đẻ chị T là ông

Nguyễn Hữu M và bà Hoàng Thị K sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, cháu Y cho đến khi chị T về Việt Nam đón hai cháu.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Quang H thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0004326 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Huyền**

